TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Quang Mỹ

Ông Nguyễn Viết Tác

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2022/TLST- HNGĐ ngày 15/12/2022 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Triệu Xuân Đ – sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Vũ Thị Đôi (Vũ Thị Phương) – sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Triệu Xuân Đtrình bày:

Anh Đ và chị Vũ Thị Đ kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 20/01/2010 và được hai bên gia đình nhất trí tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 14, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Anh Đ và chị Đ chung sống với nhau đến năm 2015 khi chị Đ bắt đầu đi làm công nhân ở tỉnh T thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi cọ dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị Đ từ khi đi làm công nhân cũng ít khi về nhà, không quan tâm đến gia đình chồng con. Từ năm 2015 cho đến thời điểm hiện nay khi anh Đ làm đơn xin ly hôn ra Tòa án thì chị Đ mới về nhà được một lần. Hiện nay anh Đ cũng không biết chị Đ đang ở đâu vì chị Đ không cung cấp cho anh địa chỉ hiện tại của chị, chị Đ cũng không liên lạc với anh Đ mà chỉ liên lạc với con chung là cháu Triệu Đức S. Trong thời gian chị Đ đi làm ăn xa, chị Đ

và anh Đ không ai quan tâm đến ai, việc chăm sóc con cái cũng như giáo dục con đều là do anh Đ tự mình đảm nhiệm. Về con chung: Anh Đ và chị Đ có 01 con chung tên là Triệu Đức S, sinh ngày 05/01/2011. Hiện nay con chung đang sinh sống với anh Đ tại tổ 14, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và đang học tại trường THCS thị trấn B. Ly hôn anh Đ có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Thị Đ không đến Tòa làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi chị Đ cư trú. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành làm việc với người thân của chị Vũ Thị Đ là chị Vũ Thị L (chị gái ruột chi Vũ Thị Đ) Chị Vũ Thị L cung cấp thông tin về quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh Đ có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống kinh tế gia đình khó khăn, anh Đ sống không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị Đ đã từng viết đơn ra Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đ, tuy nhiên sau khi được mọi người trong gia đình khuyên giải thì chị Đ lại rút đơn. Hiện nay, chị Đ đang đi làm ăn xa, không cho biết địa chỉ cụ thể, chị L đã gọi điện thoại báo cho chị Đ biết về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn của chị Đ và anh Đ thì chị Đ có thông tin lại là nhất trí ly hôn với anh Đ nhưng sẽ không về giải quyết vụ việc tại Tòa án.

Tại phiên toà hôm nay anh Triệu Xuân Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn trình bày rõ quan điểm xin được ly hôn, nuôi con với chị Vũ Thị Đ, chị Vũ Thị Đ mặc dù được Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần tuy nhiên đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; về thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố của pháp luật tố tụng dân trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Triệu Xuân Đ được ly hôn với chị Vũ Thị Đ; Về con chung: Giao con chung tên là Triệu Đức S, sinh ngày 05/01/2011 cho anh Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Triệu Xuân Đ khởi kiện xin ly hôn với chị Vũ Thị Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 14A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đây là vụ án tranh chấpvề hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 15/3/2023 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngày 20/4/2022 Tòa án mở lại phiên tòa, tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ, còn bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của anh Triệu Xuân Đ đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Xuân Đ và chị Vũ Thị Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 20/01/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi cọ dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị Đ đi làm ăn xa ít khi về nhà, không quan tâm đến gia đình chồng con, anh Đ và chị Đ sống ly thân từ năm 2015. Anh Đ xác định mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được kiên quyết xin ly hôn. Chị Vũ Thị Đ biết được việc anh Đ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng chi Đ không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành làm việc với người thân trong gia đình của chị Đ là chị Vũ Thị L (chị gái của chị Vũ Thị Đ) xác định vợ chồng anh Đ và chị Đ có mâu thuẫn, chị Đ cũng nhất trí ly hôn với anh Đ. Như vậy có đủ căn cứ xác định hôn nhân của anh Đ và chị Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Anh Đ và chị Đôi có 01 con chung tên là Triệu Đức S, sinh ngày 05/01/2011. Hiện nay con chung đang sinh sống với anh Đ tại tổ 14A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Hội đồng xét xử xét thấy con chung hiện nay đang sống cùng anh Triệu Xuân Đ khỏe mạnh và phát triển bình thường. Con chung có nguyện vọng được sống cùng anh Đ, đồng thời chị Đ hiện nay cũng không có mặt tại địa phương nên việc giao con chung cho anh Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Anh Triệu Xuân Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Triệu Xuân Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51,Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Triệu Xuân Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Xuân Đ được ly hôn chị Vũ Thị Đ.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên là Triệu Đức S, sinh ngày 05/01/2011 cho anh Triệu Xuân Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Triệu Xuân Đ không yêu cầu chị Vũ Thị Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Triệu Xuân Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Triệu Xuân Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0001385 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã Đ, huyện B (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Triệu Văn Mẫn